

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG TRỊ  
HUYỆN ỦY HẢI LANG**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
*Hải Lăng, ngày 27 tháng 9 năm 2018*

**Số 363-CV/HU**

*Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện  
CTHD số 131 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.*

*Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.*

Ngày 24/9/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 131-CTHD/TU thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (có CTHD kèm theo), Ban Thường vụ Huyện ủy đề nghị UBND huyện tham mưu xây dựng kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của BTV Tỉnh ủy. Kế hoạch gửi đến Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) **trước ngày 15/10/2018** để thông qua Ban Thường vụ Huyện ủy.

Đề nghị UBND huyện quan tâm thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Thường trực Huyện ủy,
- VP Huyện ủy,
- Lưu VPHU.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ  
CHÍNH VĂN PHÒNG**



**Lê Quang Khánh**

Số 131-CTHĐ/TU

Quảng Trị, ngày 24 tháng 9 năm 2018

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị  
về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia  
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, từ tình hình thực tiễn của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW với những nội dung chủ yếu sau:

### **I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở luôn chú trọng công tác nghiên cứu, học tập các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đã kịp thời ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo<sup>1</sup>, nhiều chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương để tổ chức thực hiện<sup>2</sup>, tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong tổng giá trị sản phẩm của tỉnh, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm công nghiệp chủ yếu được xây dựng, điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo cơ sở cho việc bố trí sản xuất và đầu tư hợp lý, hiệu quả hơn. Các chính sách về phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp, phát triển làng nghề, ngành nghề truyền thống, chính sách về khuyến công... đã được quan tâm ban hành, tạo hành lang pháp lý để hỗ trợ phát triển công nghiệp. Hạ tầng công nghiệp nông thôn từng bước được đầu

<sup>1</sup> Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 05/01/2004 về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2010; Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 29/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh về ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh về Chương trình Khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020; Quyết định 1339/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch hành động thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh V/v phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030; Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Chương trình phát triển Công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2022

tư. Các quy hoạch có tính chiến lược như: quy hoạch phát triển công nghiệp, quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Đông Nam, Trung tâm điện lực, quy hoạch sử dụng khí, quy hoạch điện gió... đã hoàn thành làm cơ sở cho việc kêu gọi, xúc tiến đầu tư các dự án động lực vào các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh. Kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Khu công nghiệp Quán Ngang, các cụm công nghiệp được quan tâm hoàn thiện<sup>3</sup>. Mỗi huyện, thành phố, thị xã đã hình thành ít nhất một cụm, điểm công nghiệp - làng nghề để thu hút đầu tư, đưa các cơ sở sản xuất tại các khu dân cư vào sản xuất tập trung.

Các loại hình doanh nghiệp công nghiệp phát triển cả về quy mô, số lượng, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp sau cổ phần hóa đi vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn. Kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển, giải quyết việc làm cho nhiều lao động trên địa bàn. Kinh tế tập thể, hợp tác xã, làng nghề tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa nông nghiệp nông thôn có bước chuyển biến, tạo ra những sản phẩm đặc trưng địa phương, phù hợp nhu cầu thị trường.

Hoạt động đầu tư vào tỉnh đã có nhiều khởi sắc, nhất là đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Nhiều dự án trọng điểm đã hoàn thành, đưa vào hoạt động như: Nhà máy bia Hà Nội Quảng Trị, Nhà máy nghiền Clinker Bim Sơn (Đông Hà), Nhà máy tinh bột sắn An Thái, Nhà máy sản xuất phân bón Bình Điền, các nhà máy thủy điện nhỏ, điện gió, nhà máy gỗ MDF 2, sản xuất gạch không nung... góp phần gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp; dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 công suất 1.320MW, tổng mức đầu tư trên 2,5 tỷ USD đang tích cực chuẩn bị đầu tư; dự án nhà máy điện khí đang được đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các thủ tục hồ sơ xin chủ trương đầu tư của Chính phủ.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh duy trì được sức cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ổn định, có mức tăng trưởng cao<sup>4</sup>. Sản xuất công nghiệp đã đóng góp quan trọng vào thu ngân sách của tỉnh, chiếm tỷ trọng khoảng 70% tổng nguồn thu nội địa trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn 2010 – 2017, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP của tỉnh đạt bình quân 15,2%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP của tỉnh đạt bình quân 10,7%; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân 5,9%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 10,6%/năm; tỷ lệ lao động công nghiệp trong lao động toàn tỉnh đạt bình quân 6,1%. Nội bộ

<sup>3</sup> Trên địa bàn tỉnh hiện có 17 cụm công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 527,50 ha, trong đó có 15 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy khoảng 47,2%; 14 cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, cấp giấy chứng nhận đầu tư; có 04 cụm công nghiệp đã cơ bản hoàn thành hạ tầng giao thông, 01 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải chung (cụm công nghiệp Ái Tử). Tổng kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gần 156 tỷ đồng. Đến nay, các cụm công nghiệp đã thu hút được 111 dự án đăng ký với tổng vốn đầu tư khoảng 2.000 tỷ đồng, trong đó, có 66 dự án đã đi vào hoạt động với số vốn thực hiện là 910 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho khoảng 3.000 lao động; 18 dự án đang triển khai xây dựng và 27 dự án đang hoàn thiện thủ tục để đi vào triển khai xây dựng.

<sup>4</sup> Như: tinh bột sắn, xi măng, sẫm lốp xe các loại, dầu nhựa thông, các sản phẩm gỗ, gạch xây dựng, phân bón...

ngành công nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng từ 62,8% năm 2010 lên 76,8% năm 2017, tỷ trọng công nghiệp khai thác khoáng sản giảm tương ứng từ 9,6% xuống 6,9%.

Mặc dù, tăng trưởng ngành công nghiệp Quảng Trị đã và đang phát triển đúng hướng nhưng tốc độ tăng trưởng chưa cao, thiếu bền vững. Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chuyển dịch chưa mạnh, lĩnh vực tự động hóa chưa rõ nét. Doanh nghiệp công nghiệp sản xuất hiện đại và các sản phẩm có sức cạnh tranh cao chưa nhiều; công nghệ, máy móc thiết bị chậm đổi mới. Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp có mặt chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, nhất là hạ tầng sân ga, bến cảng. Chưa có nhiều dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn mang tính động lực. Các dự án được triển khai thực hiện có quy mô nhỏ<sup>5</sup>. Một số dự án lớn, trọng điểm tiến độ triển khai thực hiện còn chậm<sup>6</sup>.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên do nhiều nguyên nhân vừa khách quan vừa chủ quan: Vị trí địa lý, địa kinh tế của tỉnh không thuận lợi; hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh chưa đồng bộ ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hút các dự án phát triển công nghiệp có quy mô lớn; thiếu nhà đầu tư chiến lược; một số cấp uỷ, chính quyền chưa thực sự quyết tâm, quyết liệt về chỉ đạo phát triển công nghiệp địa phương; đội ngũ quản lý, quản trị năng lực còn hạn chế; công tác hỗ trợ đầu tư còn ở mức thấp; công tác cải cách hành chính, tạo môi trường thu hút đầu tư chưa thông thoáng, hấp dẫn; một số khó khăn trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chưa được giải quyết, hỗ trợ kịp thời.

## II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

### 1. Quan điểm

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế so với các địa phương khác trong khu vực miền Trung và cả nước.

- Phát triển công nghiệp đa dạng về cơ cấu phù hợp, phát huy tốt thế mạnh, nhất là công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, tận dụng nguồn nguyên, nhiên liệu của địa phương, sản xuất các hàng hóa có thương hiệu và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và quốc tế trong quá trình hội nhập.

- Khai thác lợi thế của hành lang kinh tế Đông - Tây; Khu kinh tế trọng điểm miền Trung để đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các khu kinh tế, khu, cụm công

<sup>5</sup> Tại các khu công nghiệp, khu kinh tế có 141 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký đầu tư là 21.577 tỷ đồng. Trong đó có 89 dự án đã đi vào hoạt động (*Khu công nghiệp Nam Đông Hà 18 dự án; Quán Ngang 11 dự án; Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo 52 dự án; Khu kinh tế Đông Nam 7 dự án*); 52 dự án đang triển khai đầu tư xây dựng (*Khu công nghiệp Nam Đông Hà 14 dự án; Quán Ngang 9 dự án; Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá 5 dự án; Khu Kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo 8 dự án; Khu kinh tế Đông Nam 15 dự án*).

<sup>6</sup> Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1, Cảng biển Mỹ Thủy, Dự án VSIP 8...

ng nghiệp, đặc biệt là Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Phát huy thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành công nghiệp.

## **2. Mục tiêu**

### *a. Mục tiêu tổng quát*

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Quảng Trị cơ bản trở thành trung tâm lớn về công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, điện năng của vùng Trung bộ; hình thành một số sản phẩm công nghiệp chế biến có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh Quảng Trị cơ bản trở thành tỉnh có công nghiệp phát triển ở trình độ tiên tiến.

### *b. Các chỉ tiêu đến năm 2030*

- Phấn đấu đạt tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 25%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 18%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân trên 14%/năm.

- Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt trên 9%/năm.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp đạt trên 10%.

- Hoàn thiện và khai thác hiệu quả 03 khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang, Tây Bắc Hồ Xá và các cụm công nghiệp trên địa bàn; cơ bản hoàn thành việc đầu tư, khai thác và phát huy hiệu quả của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; hình thành một số doanh nghiệp công nghiệp trong tỉnh có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách phát triển công nghiệp**

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp về vai trò và nội dung của chính sách phát triển công nghiệp quốc gia và địa phương trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo sự đồng thuận và quyết tâm hành động trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển công nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Kịp thời quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện các chính sách phát triển công nghiệp. Phát hiện, cổ vũ, biểu dương nhân tố mới và nhân rộng mô hình mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực phát triển công nghiệp.

## **2. Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp và đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên**

- Rà soát bổ sung và tổ chức quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch phát triển công nghiệp gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Bắc Trung bộ, miền Trung Tây Nguyên.

- Tổ chức tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng nâng cao chuỗi giá trị gia tăng. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp tự động hóa trong sản xuất, tạo ra các quy trình sản xuất thông minh. Lựa chọn một số ngành công nghiệp có khả năng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị để ưu tiên phát triển, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể, nhằm khai thác tối đa về lợi thế tài nguyên thiên nhiên, con người; sử dụng các công nghệ sạch, thân thiện môi trường; tạo nhiều việc làm cho lao động địa phương, giảm dần các ngành sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản.

- Ưu tiên phát triển Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị gắn với phát triển kinh tế biển, các ngành công nghiệp chủ chốt như: nhiệt điện, điện khí, vật liệu xây dựng, sản phẩm cao cấp từ nguồn cát Thạch anh và vật liệu mới... cùng với các ngành công nghiệp phụ trợ khác.

- Giai đoạn từ 2018 – 2030, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời), công nghiệp silicat, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản và một số ngành sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may, da giày).

- Giai đoạn 2030 - 2045, tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin; phát triển các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp điện, công nghiệp dệt may, giày da áp dụng công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp và công nghệ sinh học, phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao.

## **3. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp**

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực phục vụ của các cơ quan dịch vụ công; khuyến khích và nhân rộng các mô hình cải cách hành chính sáng tạo nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực công nghiệp. Đổi mới tư duy, cải cách chế độ công vụ. Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng theo kế hoạch; tăng cường ứng dụng văn bản điện tử và chữ ký số trong chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp tiến tới xây dựng chính quyền điện tử để phục vụ ngày càng tốt hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lấy doanh nghiệp làm trọng tâm phục vụ.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi

phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

- Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống hiện có. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Đông Nam để tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư các dự án phát triển công nghiệp phù hợp với quy hoạch.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển sản xuất công nghiệp, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và áp dụng sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

- Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại, thực hiện có hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm công nghiệp.

#### **4. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp công nghiệp**

- Triển khai quyết liệt, có hiệu quả Chương trình hành động số 92-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển các doanh nghiệp tư nhân thực sự trở thành động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp của tỉnh; Nghị quyết của HĐND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2021 và các chính sách hỗ trợ của Trung ương và tỉnh.

- Triển khai tốt các chính sách nâng cao năng lực công nghệ, quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn, các tập đoàn kinh tế thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, điện tử, năng lượng, khai khoáng, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nguyên liệu của tỉnh, phụ kiện trong nước, sử dụng nhiều lao động địa phương.

- Xây dựng và công khai, quảng bá rộng rãi danh mục dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ cụ thể đối với từng nhóm hàng, ngành hàng theo

hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh; áp dụng sản xuất sạch hơn; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, cải tiến công nghệ.

### **5. Phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp**

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Sắp xếp, cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo của tỉnh nhằm từng bước tạo nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng tiếp cận các công nghệ sản xuất mới. Trong đó, đào tạo được gắn với nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp, tăng cường đào tạo các nhóm ngành kỹ thuật. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động công nghiệp. Thu hút nhân tài có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao, có năng lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp, từng bước nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tại các doanh nghiệp.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc, địa phương.

- Định hướng, hỗ trợ dịch chuyển lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp; xây dựng đội ngũ lao động có tác phong công nghiệp, có ý thức kỷ luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, lao động năng suất cao, chất lượng, hiệu quả. Có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu các dự án đầu tư, nhất là các dự án được triển khai tại Khu Kinh tế Đông Nam tỉnh.

### **6. Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp**

- Phát triển hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong phát triển công nghiệp, nhất là hạ tầng kết nối số đảm bảo an toàn, đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân dễ dàng, thuận lợi, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình như: Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ ở địa phương, hỗ trợ phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản, đặc thù của các huyện, xã theo Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 24/12/2017 của HĐND tỉnh; Đề án ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh và tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán chuyển giao công nghệ.



- Kiểm soát, quản lý chặt chẽ thiết bị công nghệ đối với các ngành công nghiệp đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt, đón đầu, tận dụng tối đa lợi thế lao động của địa phương và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có.

- Thực hiện cơ chế hợp tác công - tư trong việc triển khai các dự án đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển; áp dụng hình thức nhà nước đặt hàng nhiệm vụ khoa học - công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý phương thức đầu tư và cơ chế tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ. Chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp và đời sống.

### **7. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai thuận lợi, theo cơ chế thị trường và phù hợp với quy hoạch.

- Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp. Ưu tiên, khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường, cương quyết không đánh đổi môi trường với tăng trưởng công nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

### **8. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp**

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về vai trò và nội dung của chính sách công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thường xuyên chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chính sách phát triển công nghiệp địa phương. Xác định xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của các cấp ủy đảng, chính quyền. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Thực hiện cơ cấu lại hệ thống quản lý công nghiệp, đặc biệt ở cấp huyện, bảo đảm tập trung, thông suốt, hiệu quả, rõ người, rõ trách nhiệm. Phối hợp chặt chẽ với các

bộ, ngành; giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã trong hoạch định và thực thi chính sách đảm bảo hiệu quả, thống nhất.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp tăng cường công tác phân biện, giám sát việc thực hiện quy hoạch và thực thi các chính sách phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Kiên quyết chống lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí trong xây dựng và thực thi chính sách phát triển công nghiệp.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền có trách nhiệm quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, chủ doanh nghiệp, người lao động và các tầng lớp nhân dân; đồng thời, căn cứ nội dung Chương trình hành động để tổ chức thực hiện, phân đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Chương trình hành động của Tỉnh ủy và tình hình thực tế của địa phương chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, dự án để tổ chức thực hiện chương trình hành động.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân các cấp làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện chương trình hành động.

4. Giao ban cán sự đảng UBND tỉnh, các ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị và kịp thời báo cáo, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình hành động này.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ Công Thương,
- Vụ địa phương 3 Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các Ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các BCS Đảng, Đảng Đoàn,
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

#### T/M BAN THƯỜNG VỤ BÍ THƯ



Người ký: Nguyễn Văn Hùng  
Email: Nguyen Van  
Hung(BT)/TUQuangTri/DCS  
/VN@TUQUANGTRI  
Cơ quan: Văn phòng Tỉnh ủy,  
Tỉnh ủy Quảng Trị  
Thời gian ký: 24.09.2018  
17:07:27 +07:00

Nguyễn Văn Hùng